

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2019/HSST
Ngày: 29/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Ngô rô Be**

2. Ông **Từ Tứ Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Sên** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự thụ lý số 10/2019/HSST ngày 04 tháng 5 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/HSST-QĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị L1 - sinh năm 1967;

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân Tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Mua bán. Trình độ học vấn: 7/12. Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1938 và bà Lê Thị H, sinh năm 1941. Chồng: Huỳnh Thanh H, sinh năm 1966. Con ruột có 03 người, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2001. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tạm giữ từ ngày 09/01/2019 đến ngày 15/01/2019 tại ngoại điều tra theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Nguyễn Thị L2 - sinh năm 1975.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân Tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Mua bán. Trình độ học vấn: 7/12. Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1938 và bà Lê Thị H, sinh năm 1941. Chồng: Tạ Thanh P, sinh năm 1975. Con ruột có 03 người, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại điều tra theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Nguyễn Văn H (T) (chồng của bị cáo Đặng Thị Kim L) - sinh năm 1980, tại Tân Hiệp, Kiên Giang.

Nơi cư trú: Tổ 02, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân Tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ học vấn: 6/12. Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1954 và bà Lư Hoàng X, sinh năm 1954. Vợ Đặng Thị Kim L, sinh năm 1981. Anh chị em ruột có 06 người, lớn nhất sinh năm 1977 (chết), nhỏ nhất sinh năm 1994. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại điều tra theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Đặng Thị Kim L (S) (Vợ của bị cáo Nguyễn Văn H) - sinh năm 1981, tại Tân Hiệp, Kiên Giang.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân Tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ học vấn: 11/12. Con ông Đặng Văn H, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962. Chồng: Nguyễn Văn H, sinh năm 1980. Con ruột có 02 người, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại điều tra theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Võ Hiệp L - sinh năm 1979, tại Tân Hiệp, Kiên Giang.

Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân Tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ học vấn: 7/12. Con ông Võ Văn T, sinh năm 1933 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1943. Vợ: Lê Thị Thanh T, sinh năm 1983. Con ruột có 03 người, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại điều tra theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 06/01/2019, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, lực lượng Công an huyện T, tỉnh Kiên Giang tiến hành bắt quả tang Nguyễn Thị L1 đang thực hiện hành vi đánh bạc (ghi số đề) cho người khác tại nhà của mình thuộc tổ 03, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Tiến hành thu giữ tang vật liên quan đến ghi số đề gồm: 01 cái máy tính hiệu FLEX 10; 01 cái điện thoại hiệu Samsung Galaxy J5; 01 cây bút bi màu xanh; 01 phôi đề loại giấy lịch màu đỏ có ghi nhiều con số; 03 cuốn tập học sinh bên trong có ghi nhiều con số;

tiền Việt Nam 29.843.000đ. Thu giữ tại nhà của Nguyễn Thị L2 03 mảnh giấy tập học sinh có ghi nhiều con số, 01 cái điện thoại di động hiệu NOKIA màu trắng, 01 cái điện thoại di động hiệu GiGi Drem 2 màu xám trắng, 01 cái điện thoại di động hiệu OPPO màu hồng, 01 cái điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu vàng glod; tạm giữ của vợ chồng Nguyễn Văn H 01 cái điện thoại di động hiệu Mobistar màu vàng glod, 01 cái điện thoại di động hiệu Mobistar màu đen.

Qua kết quả điều tra và Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị L2 khai nhận đã thực hiện hành vi bán số đề, nhận phôi đề (số đầu A, số đuôi B, số lô, số đá) nộp cho thầu. Bán số đề thông qua điện thoại di động có ghi âm lại và người mua ghi phôi sẵn, sau đó L1 thống kê ra cuốn tập phôi đề, đến khoảng 15 giờ 30 hàng ngày thì điện thoại trực tiếp có ghi âm lại để nộp phôi đề cho Nguyễn Thị L2 (là em ruột của Nguyễn Thị L1) nhằm mục đích hưởng huê hồng (hưởng phần trăm). Cách thức Nguyễn Thị L1 bán là gặp trực tiếp hoặc thông qua điện thoại, bán mỗi con số thấp nhất là 1.000đ, cao nhất là 500.000đ, bán số đề như sau: số đầu A là 02 con số của giải tám đài Miền Nam có 01 lô và 02 con số giải bảy của Đài Miền Bắc có 04 lô; số đuôi B là 02 con số cuối cùng của giải đặc biệt đài Miền Bắc và đài Miền Nam với tỷ lệ được thua 1/80 lần (mua 1.000đ trúng 80.000đ), sau đó nộp phôi để hưởng huê hồng 15% (bán được 100.000đ thì hưởng được 15.000đ). Số lô của đài Miền Bắc và đài Miền Nam là 02 con số cuối cùng của 18 lô đài Miền Nam và 27 lô đài Miền Bắc của tất cả các lô giải số kiến thiết với tỷ lệ được thua 1/80 lần, sau đó nộp phôi hưởng huê hồng bằng cách: người mua 1.000đ/lô thì thu 15.000đ, L1 nộp phôi cho L2 14.500đ (của đài Miền Nam) và người mua 1.000đ thì thu 23.000đ, L1 nộp phôi cho L2 22.500đ (của đài Miền Bắc).

+ Số đầu A (hai số của giải tám đài miền Nam có 01 lô và 02 con số giải bảy của đài miền Bắc có 04 lô), số đuôi B (02 con số cuối cùng của giải đặc biệt đài miền Bắc và miền Nam), L1 nộp phôi cho L2 hưởng hoa hồng 15%, tức là bán 100.000đ được hưởng 15.000đ. Tỷ lệ ăn thua 1/80 (mua 1.000đ trúng 80.000đ).

+ Số lô miền Bắc và miền Nam (02 con số cuối cùng của 18 lô đài miền Nam và 27 lô đài miền Bắc, giải số kiến thiết), L1 nộp cho L2 hưởng hoa hồng, người mua 1.000đ/lô L1 thu tiền 15.000đ thì Loan nộp cho L2 14.500đ đài miền Nam, L1 hưởng 500đ, thu 23.000đ thì nộp cho L2 22.500đ đài miền Bắc, hưởng 500đ. Tỷ lệ ăn thua 1/80 (mua 1.000đ trúng 80.000đ).

+ Số đá (02 con số cuối cùng của tất cả các lô giải số kiến thiết). Số đá người mua mua 01 cặp số 1.000đ thì L1 thu 32.000đ đài miền Nam, nộp cho L2 31.000đ, đài miền Bắc 52.000 thì nộp cho L2 51.000đ, L1 hưởng 1.000đ. Tỷ lệ ăn thua là 1000đ trúng 600.000đ.

- Nguyễn Thị L1 khai nhận bán số đề từ ngày 27/11/2018 đến ngày 28/12/2018 và đã xóa kết quả ghi âm và phôi số đề. Bán số đề từ ngày 27/11/2018 đến ngày 26/12/2018, mỗi ngày trung bình bán được khoảng 2.000.000đ, hưởng hoa hồng khoảng 100.000đ, ngày 27/12/2018 bán được khoảng 6.000.000đ, hưởng hoa hồng khoảng 400.000đ và ngày 28/12/2018 bán được khoảng 2.000.000đ, hưởng hoa hồng khoảng 100.000đ. Từ ngày 29/12/2018 đến ngày 01/01/2019, bị cáo L1 bán số đề ghi trong cuốn tập phôi đề và bán số đề ghi âm từ ngày 02/01/2019 đến ngày 05/01/2019 trong điện thoại Samsung J5. Những người mua số đề của Nguyễn Thị L1 còn ghi âm và nhớ tên là: Đặng Thị Kim L (S), Nguyễn Văn H (T), Võ Hiệp L, Đặng Kim T, Phan Thành Đ, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Kim H, Dương Thị T, Lê Thị Thanh T.

- Nguyễn Thị L2, sau khi nhận phôi đề từ Nguyễn Thị L1 hàng ngày, tổng hợp lại nộp phôi đề cho người tên T ở N, Thoại Sơn, An Giang để hưởng tiếp huê hồng (hưởng phần trăm) từ 40.000đ đến 220.000đ, cụ thể như sau: số đầu A, số đuôi B đài Miền Nam và đài Miền Bắc hưởng huê hồng được 17% (tức là 100.000đ hưởng được 17.000đ), sau đó trả huê hồng cho L1 15.000đ còn lại L2 hưởng huê hồng 2.000đ; số lô đài Miền Nam L2 nộp cho T vẫn hưởng 14,5%; số lô đài Miền Bắc L2 nộp cho T 22.300đ hưởng huê hồng 200đ. Từ ngày 27/11/2018 đến ngày 28/12/2018, bị cáo L2 chuyển nộp phôi đề để hưởng phần trăm không còn lưu lại phôi cũng như ghi âm lại nhưng L2 khai nhận mỗi ngày nộp phôi để hưởng phần trăm được khoảng 40.000đ, bình quân từ ngày 27/11/2018 đến ngày 28/12/2018, L2 được trích phần trăm từ việc nộp phôi đề cho T được khoảng 1.240.000đ. Cụ thể, Nguyễn Thị L1 và Nguyễn Thị L2 đã thực hiện hành vi bán số đề (đánh bạc) với các lần như sau:

+ Ngày 29/12/2018, bị cáo L1 bán số đề đài Miền Nam và đài Miền Bắc (đài Long An và Hà Nội) chuyển cho Nguyễn Thị L2 số tiền 12.227.000đ, hưởng huê hồng được 609.750đ; L2 tiếp tục nộp phôi cho T hưởng huê hồng 55.300đ, trong lần đánh bạc này kết quả trúng số lô đài Long An với các con số 12=50.000đ, số 11=5.000đ, số 07=5.000đ, số 72=10.000đ; lô A đài Long An, số 07=75.000đ; lô đài Hà Nội, số 25=10.000đ, số 31=10.000đ; số 22=5.000đ; số 76=10.000đ, số 15=2.000đ, số 31=2000đ, số tiền mua các con số đề được trúng là 184.000đ, số tiền trúng số đề là 14.720.000 đồng. Tổng số tiền L1, L2 dùng vào việc đánh bạc trong ngày là 12.227.000đ + (184.000đ x 80 lần) = 26.947.000đ.

+ Ngày 30/12/2018, bị cáo L1 bán số đề đài Miền Nam và đài Miền Bắc (đài Kiên Giang, Đà Lạt, Tiền Giang và Hà Nội) chuyển cho Nguyễn Thị L2 số tiền 10.418.000đ, hưởng huê hồng được 524.250đ; L2 tiếp tục nộp phôi cho T hưởng

huê hồng 90.000đ, trong lần này đánh bạc này kết quả trúng số lô A đài Kiên Giang con số 16=5.000đ, số tiền mua số đề được trúng là 400.000đ. Tổng số tiền L1, L2 dùng vào việc đánh bạc trong ngày là $10.418.000đ + (5.000đ \times 80 \text{ lần}) = 10.818.000đ$.

+ Ngày 31/12/2018, bị cáo L1 bán số đề đài Miền Nam và đài Miền Bắc (đài Đồng Tháp, Cà Mau và Hà Nội) chuyển cho Nguyễn Thị L2 số tiền 15.987.000đ, hưởng huê hồng 882.550đ; L2 tiếp tục nộp phôi cho T hưởng huê hồng 87.700đ, trong lần này kết quả trúng đề số lô A đài Đồng Tháp số 05=20.000đ; số lô đài Đồng Tháp, các số 17=10.000đ, số 74=5.000đ, số 66 (02 lô=10.000đ; lô A đài Hà Nội số 76=5.000đ, lô đài Hà Nội số 76 (03 lô)=15.000đ, số 06 =2.000đ, số tiền mua các con số đề được trúng là 67.000đ với số tiền trúng đề là 5.360.000đ. Tổng số tiền L1, L2 dùng vào việc đánh bạc trong ngày là $15.987.000đ + (67.000đ \times 80 \text{ lần}) = 21.347.000đ$;

+ Ngày 01/01/2019, bị cáo L1 bán số đề đài Miền Nam và đài Miền Bắc (đài Bạc Liêu, Bến Tre và Hà Nội) chuyển cho Nguyễn Thị L2 số tiền 16.142.000đ, hưởng huê hồng được 873.000đ; L2 tiếp tục nộp phôi cho T hưởng huê hồng 120.000đ, trong lần đánh bạc này kết quả trúng những con số: lô A đài Bạc Liêu số 94 = 30.000đ; lô B đài Bạc Liêu, số 46=5.000đ; lô đài Bến Tre, số 01= 25.000đ; lô đài Hà Nội, số 74=20.000đ, số 83= 40.000đ, số 49=20.000đ, số tiền mua các con số đề trúng là 140.000đ với số tiền trúng đề là 11.200.000đ. Tổng số tiền L1, L2 dùng vào việc đánh bạc trong ngày là 27.342.000đ;

+ Ngày 02/01/2019, bị cáo L1 bán số đề đài Miền Nam và đài Miền Bắc (đài Cần Thơ, Sóc Trăng, Đồng Nai và Hà Nội) chuyển cho Nguyễn Thị L2 số tiền 14.853.000đ, hưởng huê hồng được 888.000đ; L2 tiếp tục nộp phôi cho T hưởng huê hồng 96.600đ, trong lần đánh bạc này kết quả trúng những con số: lô đài Đồng Nai, số 10=5.000đ, số 11=5.000đ; lô đài Cần Thơ, số 68=5.000đ, số 14=5.000đ, số 85 (02 lô)=20.000đ, số 76=20.000đ, số 17=5.000đ; lô đài Sóc Trăng 06=5.000đ; lô đài Hà Nội số 95=10.000đ, số 49=5.000đ, số tiền mua các con số trúng đề là 85.000đ. Tổng số tiền L1, L2 dùng vào việc đánh bạc trong ngày là $14.853.000đ + (85.000đ \times 80 \text{ lần}) = 21.653.000đ$;

+ Ngày 03/01/2019, bị cáo L1 bán số đề đài Miền Nam và đài Miền Bắc (đài An Giang và Hà Nội) chuyển cho Nguyễn Thị L2 số tiền 31.412.000đ, hưởng huê hồng được 1.416.750đ; L2 tiếp tục nộp phôi cho T hưởng huê hồng 223.300đ, trong lần đánh bạc này kết quả trúng những con số đề: số lô đài An Giang, số 89=5.000đ, số 80=5.000đ, số 52 (02 lô)=20.000đ, số 66=10.000đ, số 68=10.000đ; lô đài Hà Nội số 62=10.000đ, số tiền mua các con số trúng đề là 55.000đ. Tổng số tiền L1,

L2 dùng vào việc đánh bạc trong ngày là $31.412.000đ + (55.000đ \times 80 \text{ lần}) = 35.812.000đ$;

+ Ngày 04/01/2019, bị cáo L1 bán số đề đài Miền Nam và đài Miền Bắc (đài Trà Vinh, Vĩnh Long và Hà Nội) chuyển cho Nguyễn Thị L2 số tiền 13.164.900đ, hưởng huê hồng 969.500đ; L2 tiếp tục nộp phôi cho T hưởng huê hồng 124.400đ, trong lần đánh bạc này kết quả trúng những con số: lô A đài Vĩnh Long, số 68=30.000đ; lô đài Vĩnh Long, số 45=5.000đ, số 54=3.000đ, số 56=5.000đ, số 60=10.000đ; lô đài Hà Nội, số 68=15.000đ, số 26 (03 lô)=30.000đ, số 10=20.000đ, số 47=20.000đ; đài Hà Nội số đá (10, 26 = 5.000đ), số tiền mua các con số đề trúng là 143.000đ (trong đó: số tiền trúng theo tỷ lệ 1/80 lần là $138.000đ \times 80 \text{ lần} = 11.040.000đ$; số tiền trúng theo tỷ lệ 1/600 lần là $5.000đ \times 600 \text{ lần} = 3.000.000đ$; ($11.040.000đ + 3.000.000đ = 14.040.000đ$)). Tổng số tiền L1, L2 dùng vào việc đánh bạc trong ngày là $13.164.900đ + 14.040.000đ = 27.204.900đ$;

+ Ngày 05/01/2019, bị cáo L1 bán số đề đài Miền Nam và đài Miền Bắc (đài Long An, Hậu Giang, Bình Phước, Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội) chuyển cho Nguyễn Thị L2 số tiền 13.256.000đ, hưởng huê hồng được 1.058.250đ; Lanh tiếp tục nộp phôi cho T hưởng huê hồng 141.300đ, trong lần đánh bạc này kết quả trúng những con số: lô A đài Long An, số 24=500.000đ; lô B đài Long An, số 23=10.000đ; lô đài Long An số 07=5.000đ, số 68=5.000đ, số 04=10.000đ, số 24=10.000đ, số 36=13.000đ; lô đài Hậu Giang, số 11 (02 lô)= 10.000đ; lô đài thành phố Hồ Chí Minh, số 11=5.000đ; lô đài Hà Nội, số 24 (02 lô)= 30.000đ, số 10=8.000đ, số tiền mua các con số đề trúng là 606.000đ. Tổng số tiền L1, L2 dùng vào việc đánh bạc trong ngày là $13.256.000đ + (606.000đ \times 80 \text{ lần}) = \mathbf{61.736.000đ}$;

+ Ngày 06/01/2019, bị cáo L1 bán số đề đài Miền Nam (đài Kiên Giang, Đà Lạt và Tiền Giang) với tổng số tiền 5.262.000đ (trong đó bán thiếu là 5.000.000đ, bán lấy tiền mặt được 262.000đ) chưa nộp phôi cho L2 thì bị bắt quả tang.

Nguyễn Thị L1, từ ngày 29/12/2018 đến ngày 05/01/2019 bán số đề nộp phôi cho L2 hưởng phần trăm, thu lợi bất chính với số tiền 7.222.050đ, trước đó từ ngày 27/11/2018 đến ngày 28/12/2018, hưởng phần trăm, thu lợi bất chính số tiền 3.500.000đ, ngày 06/01/2019 bán số đề lấy tiền mặt được 262.000đ chưa nộp phôi; Nguyễn Thị L2 nhận phôi đề từ L1 nộp lại cho T hưởng phần trăm, thu lợi bất chính từ ngày 29/12/2018 đến ngày 05/01/2019 với số tiền 938.600đ, trước đó trích phần trăm, thu lợi bất chính từ ngày 27/11/2018 đến ngày 28/12/2018 với số tiền 1.239.400đ.

* Các bị cáo mua số đề do bị cáo Nguyễn Thị L1 bán với số tiền đánh bạc như sau:

- Bị cáo Đặng Thị Kim L, ngày 02/01/2019, mua số đề đài Cần Thơ và Hà Nội với số tiền 955.000đ; ngày 03/01/2019, mua số đề đài An Giang với số tiền 1.000.000đ, trúng 400.000đ, số tiền dùng vào việc đánh bạc là 1.400.000đ; ngày 04/01/2019, mua số đề đài Vĩnh Long và Hà Nội số tiền 2.470.000đ, trúng 2.400.000đ, tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 4.870.000đ; ngày 05/01/2019, mua số đề đài Long an số tiền 1.200.000đ, trúng đề lô A đài Long An số 24=50.000đ, bao lô đài Long An số 68=5.000đ, bị cáo Đặng Thị Kim L đã nhận tiền trúng đề được 4.400.000đ. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc trong ngày là $1.200.000đ + (55.000đ \times 80 \text{ lần}) = \mathbf{5.600.000đ}$.

- Bị cáo Võ Hiệp L, ngày 03/01/2019, mua số đề đài An Giang và Hà Nội với số tiền **16.050.000đ**; ngày 04/01/2019, mua số đề đài Vĩnh Long với số tiền 2.750.000đ.

- Bị cáo Nguyễn Văn H, ngày 05/01/2019, mua số đề đài Long An với số tiền 900.000đ, trúng đề số lô A đài An Giang số 24=300.000đ, trúng 24.000.000đ. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc trong ngày là: $900.000đ + (300.000đ \times 80 \text{ lần}) = \mathbf{24.900.000đ}$.

Bản Cáo trạng số 12/2019/CT-VKSTH ngày 02/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Nguyễn Thị L1 và bị cáo Nguyễn Thị L2 về tội “Đánh bạc” theo khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Đặng Thị Kim L, Võ Hiệp L về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như đã viện dẫn nêu trên. Sau khi phân tích và đánh giá mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 321; khoản 1 Điều 17; khoản 1 Điều 35; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị L1** hình phạt tiền từ 70.000.000đ đến 80.000.000đ.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị L2** hình phạt tiền từ 80.000.000đ đến 90.000.000đ.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 17; khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** hình phạt tiền từ 25.000.000đ đến

35.000.000đ.

+ Xử phạt bị cáo **Đặng Thị Kim L** hình phạt tiền từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ.

+ Xử phạt bị cáo **Võ Hiệp L** hình phạt tiền từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy:

01 cái máy tính hiệu FLEX 10 đã qua sử dụng; 01 cây bút bi màu xanh, 01 phôi đề loại giấy lịch màu đỏ có ghi nhiều con số, 01 cuốn tập phôi đề loại tập học sinh bên trong có ghi nhiều con số; có liên quan đến vụ án không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 cái điện thoại hiệu Samsung Galaxy J5 màu đen, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Thị L1; 01 cái điện thoại di động NOKIA màu trắng của bị cáo Nguyễn Thị L2; 01 cái điện thoại di động Mobistar màu đen của bị cáo Nguyễn Văn H; 01 cái điện thoại di động Mobistar màu vàng glod của bị cáo Đặng Thị Kim L; do đây là công cụ phương tiện mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 262.000đ, là số tiền bị cáo L1 bán số đề ngày 06/01/2019.

Áp dụng điểm b khoản 3 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo L1 số tiền 6.168.000đ, do không liên quan đến vụ án.

Số tiền trên hiện trong tài khoản số 3941.0.1041911.00000 tại Kho bạc Nhà nước huyện T, tỉnh Kiên Giang của Phòng Tài chính kế hoạch huyện T, tỉnh Kiên Giang. Tiếp tục kê biên số tiền trên để đảm bảo cho việc thi hành án.

Số tiền bị cáo L1 thu lợi bất chính từ việc đánh bạc ghi số đề là 10.722.050đ, buộc bị cáo phải nộp lại số tiền trên, bị cáo đã nộp lại 10.622.000đ theo biên lai thu số 06714 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, bị cáo còn phải nộp thêm 100.050đ.

Buộc bị cáo L2 nộp lại số tiền thu lợi bất chính 2.178.000đ, bị cáo đã tự nguyện nộp theo biên lai thu số 06715 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 24.000.000đ, là số tiền bị cáo đã trúng thưởng từ việc mua số đề.

Buộc bị cáo Đặng Thị Kim L nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 4.400.000đ, là số tiền bị cáo đã trúng thưởng từ việc mua số đề.

Sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát luận tội, các bị cáo nhận tội, không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Tại phần nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, kết luận điều tra, biên bản bắt quả tang và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận:

Bị cáo Nguyễn Thị L1 đã thực hiện hành vi đánh bạc 10 lần với hình thức bán số đề trái phép nộp phôi cho bị cáo Nguyễn Thị L2 09 lần để bị cáo Nguyễn Thị L2 tiếp tục nộp phôi đề cho người khác nhằm mục đích trích phần trăm, thu lợi bất chính như sau:

Lần thứ nhất, ngày 29/12/2018, đánh bạc với số tiền 26.947.000 đồng;

Lần thứ hai, ngày 30/12/2018, đánh bạc với số tiền 10.818.000 đồng;

Lần thứ ba, ngày 31/12/2019, đánh bạc với số tiền 21.347.000 đồng;

Lần thứ tư, ngày 01/01/2019, đánh bạc với số tiền 27.342.000 đồng;

Lần thứ năm, ngày 02/01/2019, đánh bạc với số tiền 21.653.000 đồng;

Lần thứ sáu, ngày 03/01/2019, đánh bạc với số tiền 35.812.000 đồng;

Lần thứ bảy, ngày 04/01/2019, đánh bạc với số tiền 27.204.900 đồng;

Lần thứ tám, ngày 05/01/2019, đánh bạc với số tiền **61.736.000 đồng**;

Lần thứ chín, ngày 06/01/2019, bị cáo L1 đánh bạc với số tiền 5.262.000đ (chưa nộp phôi cho bị cáo L2 thì bị bắt quả tang). Trước đó, vào ngày 27/12/2018, Nguyễn Thị L1 cùng Nguyễn Thị L2 đánh bạc với số tiền 6.000.000đ.

Các bị cáo Đặng Thị Kim L, Võ Hiệp L, Nguyễn Văn H thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức mua số đề của bị cáo Nguyễn Thị L1 như sau:

Ngày 05/01/2019 bị cáo Đặng Thị Kim L dùng 5.600.000đ để đánh bạc.

Ngày 03/01/2019 bị cáo Võ Hiệp L dùng 16.050.000đ để đánh bạc;

Ngày 05/01/2019 bị cáo Nguyễn Văn H dùng 24.900.000đ để đánh bạc.

Số tiền bị cáo Nguyễn Thị L1 thu lợi bất chính từ việc đánh bạc từ ngày 27/11/2018 đến ngày 28/12/2018 là 3.500.000đ. Từ ngày 29/12/2018 đến ngày 05/01/2019 là 7.222.050đ. Ngày 06/01/2019, bán số đề tiền mặt được 262.000 đồng, tổng cộng 10.984.050 đồng;

Số tiền bị cáo Nguyễn Thị L2 thu lợi bất chính từ việc nộp phôi đề là 2.178.600 đồng.

Ngày 05/01/2019 bị cáo L1 và L2 đánh bạc với số tiền **61.736.000đ** là căn cứ để xử lý hình sự đối với hai bị cáo, còn những ngày đánh bạc khác (từ ngày 29/12/2018 đến ngày 04/01/2019 như đã liệt kê ở trên) là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên đối với bị cáo L1 và bị cáo L2.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Loan thừa nhận đánh bạc bằng hình thức bán số đề để hưởng huê hồng, sau đó bị cáo L1 nộp phôi cho bị cáo L2 để bị cáo L2 nộp lại phôi đề cho thầu đề để hưởng huê hồng. Sau khi bán được bao nhiêu số và tiền, bị cáo L1 tổng hợp lại các phôi đề và dùng điện thoại di động hiệu Samsung J5 màu đen để gọi và ghi âm lại các con số để chuyển cho bị cáo L2.

Các bị cáo Đặng Thị Kim L, Võ Hiệp L, Nguyễn Văn H thừa nhận mua số đề của bị cáo Nguyễn Thị L1.

Hành vi của bị cáo L1 và bị cáo L2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo Đặng Thị Kim L, Võ Hiệp L, Nguyễn Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang truy tố các bị cáo Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị L2, Đặng Thị Kim L, Nguyễn Văn H và Võ Hiệp L về tội “Đánh bạc”, tội danh và điều khoản như đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm vào lĩnh vực trật tự cộng đồng, gây mất an ninh trật tự tại nơi xảy ra vụ án. Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là người có đủ năng lực hành vi và nhận thức được đánh bạc là hành vi vi phạm pháp luật, bởi đây là hình thức đánh bạc ăn thua bằng tiền bị Nhà nước nghiêm cấm, là tệ nạn xã hội, và là một trong những nguyên nhân dẫn đến tan vỡ hạnh phúc gia đình, kiệt quệ kinh tế và dẫn đến các loại tội phạm khác. Hành vi của các bị cáo là cố ý, làm

ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm là cần thiết, để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo L1 và bị cáo L2 có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Đặng Thị Kim L, Võ Hiệp L, Nguyễn Văn H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo L1 và L2 thừa nhận hành vi phạm tội của mình, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự. Hai bị cáo tự thú những lần phạm tội trước đó, bị cáo L1 và bị cáo L2 có cha là Nguyễn Văn C được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba nên hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Đặng Thị Kim L, Võ Hiệp L, Nguyễn Văn H thừa nhận hành vi phạm tội của mình, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Riêng bị cáo Võ Hiệp L có cha là Võ Văn T được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt các bị cáo trong mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo, cũng đủ sức răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án là đồng phạm giản đơn, hành vi phạm tội tự phát, bị cáo L1 là người trực tiếp bán số đề và chuyển phôi cho bị L2 để bị cáo L2 chuyển phôi lại cho thầu đề để hưởng phần trăm huê hồng, các bị cáo Đặng Thị Kim L, Võ Hiệp L, Nguyễn Văn H là những người mua đề. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với từng hành vi phạm tội của mình.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 cái điện thoại hiệu Samsung Galaxy J5 của bị cáo Nguyễn Thị L1; 01 cái điện thoại di động NOKIA màu trắng của bị cáo Nguyễn Thị L2; 01 cái điện thoại di động Mobistar màu đen của bị cáo Nguyễn Văn H, 01 cái điện thoại di động Mobistar màu vàng glod của bị cáo Đặng Thị Kim L; do đây là công cụ phương tiện mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cái máy tính hiệu FLEX 10, 01 cây bút bi màu xanh, 01 phôi đề loại giấy lịch màu đỏ có ghi nhiều con số, 01 cuốn tập phôi đề loại tập

học sinh bên trong có ghi nhiều con số, do các vật chứng không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 262.000đ, là số tiền mà bị cáo bán số đề ngày 06/01/2019.

Áp dụng điểm b khoản 3 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo L1 số tiền 6.168.000đ, do không liên quan đến vụ án.

Số tiền trên hiện trong tài khoản số 3941.0.1041911.00000 tại Kho bạc Nhà nước huyện T, tỉnh Kiên Giang của Phòng Tài chính kế hoạch huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Tiếp tục kê biên số 6.430.000đ trong tài khoản số 3941.0.1041911.00000 tại Kho bạc Nhà nước Tân Hiệp của Phòng Tài chính kế hoạch huyện T, tỉnh Kiên Giang để đảm bảo cho việc thi hành án.

[7] Về biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị L1 phải nộp lại số tiền 10.722.050đ (Mười triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn năm mươi đồng) do bị cáo thu lợi bất chính mà có để sung vào công quỹ Nhà nước. Bị cáo đã nộp được 10.622.000đ theo biên lai thu số 06714 ngày 12/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, bị cáo còn phải nộp thêm 100.050đ (Một trăm nghìn năm mươi đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Thị L2 phải nộp lại số tiền 2.178.000đ, do bị cáo thu lợi bất chính mà có để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền trên bị cáo đã nộp xong theo biên lai thu số 06715 ngày 12/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 24.000.000đ, là số tiền trúng thưởng từ việc bị cáo mua số đề.

Buộc bị cáo Đặng Thị Kim L nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 4.400.000đ, là số tiền trúng thưởng từ việc bị cáo mua số đề.

[8] Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị L1 số tiền 29.843.000đ, qua điều tra xác định vật chứng đã thu giữ không liên quan đến việc phạm tội nên đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị L1 23.413.000đ. (Số tiền còn lại 6.430.000đ liên quan đến vụ án nên tịch thu sung công); 02 cuốn tập học sinh; trả lại cho Tạ Thanh P (chồng của bị cáo L2) 01 cái điện thoại di động hiệu GiGi Drem 2 màu xám trắng, trả lại cho Tạ Chí T1 và Tạ Thành T2, con của bị cáo L2) 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu hồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu vàng glod.

Đối với Đặng Kim T, Phan Thành Đ, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Kim H, Dương Thị T, Lê Thị Thanh T, tham gia mua số đề của bị cáo Nguyễn Thị L1, qua

điều tra xác định tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc của từng người dưới 5.000.000đ, chưa đủ yếu tố để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện T, tỉnh Kiên Giang ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người với số tiền 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng); là phù hợp.

Đối với đối tượng tên T mà bị cáo Nguyễn Thị L2 khai nhận nộp phôi đề cho T để hưởng tiền huê hồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành xác minh nhân thân, lai lịch của T tại thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang, được địa phương cung cấp không có thông tin quản lý về đối tượng nên không xác định được T là ai, ở đâu. Khi xác định được có đủ yếu tố cấu thành tội phạm, sẽ tiếp tục xử lý.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị L2, Đặng Thị Kim L, Võ Hiệp L, Nguyễn Văn H phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; khoản 1 Điều 17; khoản 1 Điều 35; điểm r, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị L1** 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng)

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị L2** 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng)

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 17; khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

+ Xử phạt bị cáo **Đặng Thị Kim L** 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

+ Xử phạt bị cáo **Võ Hiệp L** 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng)

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 cái điện thoại hiệu Samsung Galaxy J5 của bị cáo Nguyễn Thị L1; 01 cái điện thoại di động NOKIA màu trắng của bị cáo Nguyễn Thị L2; 01 cái điện thoại di động Mobistar màu đen của bị cáo Nguyễn Văn H, 01 cái điện thoại di động Mobistar màu vàng glod của bị cáo Đặng Thị Kim

L.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 262.000đ (Hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo L1 số tiền 6.168.000đ (Sáu triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Số tiền trên hiện trong tài khoản số 3941.0.1041911.00000 tại Kho bạc Nhà nước huyện T, tỉnh Kiên Giang của Phòng Tài chính kế hoạch huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Tiếp tục kê biên số tiền 6.430.000đ trong tài khoản số 3941.0.1041911.00000 tại Kho bạc Nhà nước Tân Hiệp của Phòng Tài chính kế hoạch huyện T, tỉnh Kiên Giang để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T làm thủ tục yêu cầu Phòng Tài chính kế hoạch huyện T, tỉnh Kiên Giang chuyển số tiền trên đang tạm giữ là tang vật vi phạm trong vụ án đánh bạc tại Kho bạc Nhà nước huyện T qua Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang để Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang thực hiện theo quyết định trên của bản án.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 cái máy tính hiệu FLEX 10, 01 cây bút bi màu xanh, 01 phơi đề loại giấy lịch màu đỏ có ghi nhiều con số, 01 cuốn tập phơi đề loại tập học sinh bên trong có ghi nhiều con số, do các vật chứng không còn giá trị sử dụng.

Các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số 09 ngày 02/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

3. Về biện pháp tư pháp: Bị cáo Nguyễn Thị L1 phải nộp lại số tiền 10.722.050đ (Mười triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn không trăm năm mươi đồng) do bị cáo thu lợi bất chính mà có để sung vào công quỹ Nhà nước. Bị cáo đã nộp được 10.622.000đ (Mười triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 06714 ngày 12/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, bị cáo còn phải nộp thêm 100.050đ (Một trăm nghìn không trăm năm mươi đồng).

Bị cáo Nguyễn Thị L2 phải nộp lại số tiền 2.178.000đ (Hai triệu một trăm bảy mươi tám , do bị cáo thu lợi bất chính mà có để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền trên bị cáo đã nộp xong theo biên lai thu số 06715 ngày 12/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Bị cáo Nguyễn Văn H nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu đồng).

Bị cáo Đặng Thị Kim L nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 4.400.000đ

(Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị L2, Đặng Thị Kim L, Võ Hiệp L, Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- THA Dân sự, Hình sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến